

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH T**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HS-ST

Ngày: 25 - 11 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Quân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Văn Thanh

2. Ông Hà Long Biên

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Văn Hải - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 56/2020/TLST-HS, ngày 19/10/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HS, ngày 10/11/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Văn T; sinh năm: 1990; tại xã T, huyện T, tỉnh T; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Không; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn L, sinh năm 1965; con bà: Lê Thị H, sinh năm 1965; tiền án: Ngày 12/8/2021 bị tòa án nhân dân huyện T xử phạt 14 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 29/5/2020; tiền sự: không; Tiền sự: Ngày 21/01/2019 bị công an xã Thành Kim xử lý vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, Ngày 15/02/2019 bị công an xã Thành Kim xử lý vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/9/2020 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Những người tham gia tố tụng:***

\* Bị hại: Bà Bùi Thị D; sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn C, xã TH, huyện T, tỉnh T (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 31/8/2020, Bùi Văn T đi bộ một mình từ ngã ba dốc Tr vào khu dân cư thôn C, xã TH với ý định trộm cắp tài sản của các hộ dân mất cảnh giác. Khi đi bộ dọc đường bê tông liên thôn, T phát hiện tại lề đường sát

lô mía của các hộ dân có dựng một chiếc xe máy điện, màu S đỏ đen, không biển kiểm soát (Chiếc xe máy điện nhãn hiệu xe rùa S8, M135, là xe của bà Bùi Thị D, sinh năm 1958, trú tại thôn C, xã TH dựng ở rìa đường để xuống lô đi làm cỏ mía). T tiến lại gần, thấy không có người trông coi chiếc xe, chìa khóa xe để sẵn ở xe, nên T đã lén lút mở chìa khóa xe, điều khiển chiếc xe máy điện này ra đường cái, đi theo hướng ra thị trấn V. Đến quán sửa xe của anh Nguyễn Nam S ở thôn P, thị trấn V, T điều khiển xe đi vào quán, nói với anh S đây là xe của gia đình T, T muốn bán. Anh S tin lời T, không nghĩ đó là xe trộm cắp nên đã mua lại chiếc xe máy điện với giá 2.500.000 đồng, số tiền nay T để tiêu sài cá nhân.

Ngày 01/9/2020, nhận thấy hành vi vi phạm pháp luật của mình không thể trốn tránh được, Bùi Văn T đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số : 33/HĐĐGTSTS-TT ngày 07/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: chiếc xe máy điện nhãn hiệu xe rùa S8, M135, màu đỏ đen, không biển kiểm soát, xe cũ, đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 2.700.000 đồng.

Xác minh thu nhập, tài sản của bị can xác định bị cáo không có tài sản, thu nhập đáng kể.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 Xe máy điện nhãn hiệu xe rùa S8, M135, màu S đỏ, đen, không biển kiểm soát. Sau khi tiến hành định giá tài sản, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu hợp pháp của tài sản là bà Bùi Thị D.

Về việc mua bán xe máy do T trộm cắp được với anh Nguyễn Nam S, khi thực hiện mua bán, anh S không biết đây là tài sản do T trộm cắp mà có, T nói đó là tài sản của gia đình nên anh S đã mua do đó hành vi của anh Nguyễn Nam S là không vi phạm pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Bùi Thị D sau khi nhận lại tài sản không yêu cầu T bồi thường gì thêm. T cũng đã tự nguyện bồi thường cho anh S số tiền 2.500.000 đồng tiền anh S mua xe nên anh S không đề nghị T bồi thường gì khác.

Tại bản cáo trạng số 57/CT-VKSTT ngày 15/10/2020, Viện Kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện T, tỉnh T đã truy tố Bùi Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

\*Phần tranh tụng tại phiên tòa:

-Tại phiên tòa, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS, xử phạt Bùi Văn T từ 12 đến 15 tháng tù.

Kết quả xác minh về tài sản, thu nhập, xác định hiện tại bị cáo không có tài sản nên đại diện VKSND đề nghị không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

-Bị cáo Bùi Văn T thừa nhận hành vi như cáo trạng của viện kiểm sát nhân dân mô tả và truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và không có ý kiến tranh luận gì.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi của bản thân như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời trình bày của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận ngày 31/8/2020, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản là bà Bùi Thị D, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe máy điện nhãn hiệu xe rùa S8, M135, màu đỏ đen, không biển kiểm soát trị giá 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Do đó có đủ cơ sở xác định bị cáo đã có hành vi vi phạm vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, hành vi phạm tội: Đây là vụ án trộm cắp tài sản có tính chất ít nghiêm trọng do Bùi Văn T thực hiện. Tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an, xã hội trên địa bàn.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngày 12/8/2019 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 14 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, chấp hành án xong ngày 29/5/2020 đến thời điểm phạm tội ngày 31/8/2020 bị cáo chưa được xóa án tích, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả và đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, có hai tiền sự bị công an xử phạt vi phạm hành chính do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận đủ số tiền bỏ ra mua xe và không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[6] Về hình phạt tiền bổ sung: Qua xác minh bị cáo không có tài sản, thu nhập nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Tuyên bố:** Bị cáo Bùi Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

**Áp dụng:** Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự

**Xử phạt:** Bùi Văn T 15(mười lăm)tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 01/9/2020.

**Áp dụng:** Điều 136 BLTTHS; Điều 6, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

-Về phần dân sự: Công nhận phần dân sự trong vụ án đã giải quyết xong.

-Về án phí: Bị cáo Bùi Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh T;
- Công an huyện T;
- Đội THAHS công an T;
- Trại tạm giam CA tỉnh T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOạ PHIÊN TOà**

**Lê Văn Quân**